

Số: **226**/BC-UBND

Tuy Phước, ngày **07** tháng **12** năm 2015

BÁO CÁO
Đánh giá cuối kỳ Chương trình bảo vệ trẻ em
giai đoạn 2011-2015

I. Thực trạng công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em của địa phương

Tuy Phước là huyện đồng bằng có diện tích 217,12 km²; Dân số toàn huyện có 188.920 người, trong đó trẻ em dưới 16 là 48.463 em, chiếm 25,65% dân số (*trẻ em dưới 6 tuổi: 18.325 em, chiếm 37,81% tổng số trẻ em*).

Hiện toàn huyện có 284 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (HCDB), chiếm 0,59% tổng số trẻ em (250 trẻ em bị khuyết tật nặng, đặc biệt nặng, 34 trẻ em mồ côi cha mẹ, mồ côi cha hoặc mẹ); có 992 em sống trong hộ nghèo (*chiếm 2,05% tổng số trẻ em*).

Trong những năm qua, kinh tế huyện nhà có bước tăng trưởng và phát triển. Lĩnh vực an sinh xã hội, y tế, văn hóa, giáo dục được nâng cao; công tác xã hội hóa được đẩy mạnh, đa dạng hóa các loại hình; công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được chú trọng, mở rộng và có nhiều tiến bộ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm chăm sóc, cuộc sống tinh thần và vật chất của trẻ em được cải thiện, các em ngày càng được hưởng đầy đủ các quyền cơ bản của mình.

II. Kết quả thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

UBND huyện đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành:

- Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 01/8/2011 về việc ban hành Chương trình Bảo vệ trẻ em huyện giai đoạn 2011-2015.

- Quyết định số 1046/QĐ-CTUBND ngày 27/6/2012 về việc chọn các xã, thị trấn trọng điểm thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015.

- Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 30/8/2012 về việc ban hành Chương trình hành động vì trẻ em huyện giai đoạn 2011-2020.

- Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 08/11/2012 về việc ban hành Kế hoạch khảo sát, thu thập thông tin về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn huyện.

- Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 20/5/2013 về việc bổ sung thêm nhiệm vụ công tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho nhân viên y tế thôn trên địa bàn huyện.

- Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 về việc thành lập Ban điều hành bảo vệ chăm sóc trẻ em và nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em huyện;

- Quyết định số 1870/QĐ-UBND ngày 23/8/2013 về việc thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn huyện năm 2013.

- Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 về việc thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2014;

- Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 về việc phân bổ kinh phí triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em, chương trình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em cho các đơn vị và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện năm 2014.

- Quyết định số 2325/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 về việc kiện toàn Hội đồng xét duyệt xã, thị trấn phù hợp với trẻ em huyện Tuy Phước; các Quyết định kiện toàn Hội đồng hàng năm.

- Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 15/6/2015 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em và Chương trình phòng chống tai nạn thương tích trẻ em trên địa bàn huyện năm 2015.

- Thông báo số 37/TB-BĐH ngày 16/11/2015 của Ban điều hành BVTE huyện về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban. Đồng thời, hàng năm, UBND huyện kịp thời kiện toàn tổ chức Ban điều hành và nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em.

Bên cạnh đó, hàng năm UBND huyện ban hành các Kế hoạch như: Kế hoạch triển khai xây dựng xã, thị trấn phù hợp trẻ em; Kế hoạch tổ chức hoạt động cho trẻ em có hoàn cảnh ĐBKK nhân dịp Tết Nguyên đán; Kế hoạch triển khai Tháng hành động vì trẻ em; Kế hoạch tổ chức hoạt động Tết Trung thu; Kế hoạch vận động ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em; Kiện toàn Ban vận động và Ban quản lý Quỹ Bảo trợ trẻ em huyện. Các văn bản chỉ đạo phòng chống tai nạn thương tích trẻ em dịp hè, mùa mưa lũ; tăng cường quản lý cấp thẻ BHYT trẻ em dưới 6 tuổi,...

b) Bố trí nguồn lực thực hiện: (có Phụ lục kèm theo)

c) Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát và báo cáo

- Báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Quyết định số 267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015.

- Báo cáo công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2013 cho Đoàn kiểm tra liên ngành của Cục Bảo vệ chăm sóc trẻ em.

Đồng thời thực hiện báo cáo 6 tháng và cuối năm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đến Sở Lao động - TB&XH.

Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, UBND huyện chỉ đạo Ban Điều hành bố trí thành viên giám sát 55 lượt đơn vị được phân bổ kinh phí, thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thực hiện đúng tiến độ và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

2. Đánh giá việc triển khai, thực hiện các Dự án, mô hình thuộc Chương trình

a) Dự án truyền thông, giáo dục, vận động xã hội về bảo vệ trẻ em

UBND huyện đã xác định công tác tuyên truyền là trọng tâm, tạo sự chuyển biến về nhận thức, hiểu biết của toàn xã hội về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền của trẻ em và trách nhiệm bảo vệ trẻ em, đặc biệt tập trung ở các xã, thị trấn trọng điểm.

Sau khi Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 được ban hành, hàng năm UBND huyện đã tổ chức tuyên truyền thực hiện Chương trình bằng nhiều hình thức như:

Thông qua hệ thống Đài Truyền thanh từ huyện đến xã, thị trấn, website huyện, xây dựng các câu chuyện truyền thanh, phát sóng định kỳ 2 lần/tháng chương trình bảo vệ trẻ em, “Chương trình phát thanh măng non”, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, diễn đàn quyền trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, phát tờ rơi, sách, pano tại các trường học, xã, thị trấn trọng điểm,... đã tuyên truyền tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và chính sách liên quan đến trẻ em, đặc biệt tạo mối quan tâm và thúc đẩy sự thay đổi về nhận thức của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ trẻ em; tuyên truyền giáo dục kiến thức và kỹ năng bảo vệ trẻ em cho gia đình, cộng đồng, giới thiệu các mô hình làm tốt công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; nhắc nhở, phê phán những hành vi vi phạm quyền trẻ em, những cơ quan, đơn vị, tổ chức chưa thực hiện đúng trách nhiệm của mình đối với việc thực hiện quyền trẻ em;

Ngoài ra, UBND huyện chỉ đạo các ngành liên quan cấp huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn và hướng dẫn trường học tổ chức tuyên truyền nơi có nhiều trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Trong 05 năm đã hỗ trợ 08 xã và 06 trường TH, THCS trong địa bàn tổ chức các cuộc thi, diễn đàn, các buổi sinh hoạt dành cho trẻ em và phụ huynh tham gia. Các hội thi đã tạo không khí vui tươi phấn khởi cho trẻ em và đồng thời đã tuyên truyền rộng rãi Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em cho toàn xã hội. Kết quả đã có trên 15.000 lượt trẻ em được tham gia tìm hiểu Luật Bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em,...

Thông qua dự án truyền thông này, đã góp phần đảm bảo sự an toàn cho mọi trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ trẻ em; góp phần trang bị kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em, phát hiện và loại bỏ hoặc giảm thiểu các nguy cơ dẫn đến trẻ em bị ngược đãi, xâm hại, bóc lột, bạo lực và rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

b) Dự án nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, cộng tác viên tham gia công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em

Thực hiện Quyết định số 52/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án xây dựng đội ngũ cộng tác viên thôn, làng, khu phố làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở tỉnh Bình Định, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 20/5/2013 về việc bổ sung thêm nhiệm vụ cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho nhân viên y tế thôn, đến nay trên địa bàn huyện có 172 cộng tác viên.

Hàng năm cán bộ BVCSTE cấp huyện, các xã, thị trấn và 512 lượt cộng tác viên được tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực do tỉnh, huyện phối hợp tổ

chức. Đội ngũ công tác viên từng bước xác định được nhiệm vụ và đã thực hiện được một số công việc liên quan như: Các vấn đề chung về trẻ em; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; công tác xã hội nói chung và công tác xã hội đối với trẻ em; phương pháp truyền thông bảo vệ trẻ em như phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, phòng tránh trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; phòng, chống rối nhiễu tâm trí trẻ em; quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục; phòng, chống buôn bán, bạo hành và xâm hại tình dục trẻ em; kỹ năng cơ bản khi tiếp xúc, làm việc với trẻ em; phương pháp đánh giá, giám sát, thống kê, tổng hợp và lập báo cáo công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở cơ sở, phương pháp phát hiện, cập nhật, theo dõi, quản lý cas, báo cáo kịp thời trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phương pháp kết nối các dịch vụ hiện có cho trẻ em tại địa bàn (làm thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, chăm sóc sức khỏe, làm giấy khai sinh, chế độ phúc lợi xã hội...); thông tin về mô hình nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mồ côi, không nơi nương tựa của Làng Trẻ em SOS Quy Nhơn, trợ giúp trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh, trẻ em khuyết tật,...

c) Dự án xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em và dự án xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng

UBND huyện chỉ đạo, phân công nhiệm vụ từng thành viên Ban điều hành bảo vệ trẻ em và nhóm Công tác liên ngành bảo vệ trẻ em huyện thường xuyên giám sát hoạt động các đơn vị được phân công, hỗ trợ kinh phí trong năm. Ngoài ra, Ban tổ chức họp định kỳ 2 lần/năm và trước khi tổ chức các hoạt động, các hội thi, thông qua các Kế hoạch tổ chức Diễn đàn, dạy bơi, Tháng hành động vì trẻ em, thăm tặng quà trẻ em nhân 1/6, tổ chức Trung thu ...

Bên cạnh đó, Ban bảo vệ trẻ em của 12/13 xã, thị trấn đã được thành lập và tổ chức Hội nghị tập huấn về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nhằm hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ công tác viên, họp đột xuất, định kỳ hàng tháng về công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em tại địa phương. Trong năm 2011-2015, có 06 xã gồm: Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Thuận, Phước Hiệp, Phước Lộc và Phước An được hỗ trợ kinh phí hoạt động để họp giao ban hàng tháng với công tác viên các thôn. Hoạt động giao ban công tác viên các thôn phần lớn được triển khai lồng ghép với giao ban y tế thôn hàng tháng tại Trạm Y tế.

Nhìn chung, hoạt động của Ban bảo vệ trẻ em cấp xã chủ yếu họp triển khai nhiệm vụ, đề ra kế hoạch hoạt động, tiếp nhận thông tin phản hồi từ trường học, y tế, công tác viên cấp thôn, của nhân dân để kiến nghị với cấp trên,... Đến nay, đã có 110 lượt cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp huyện, xã được tập huấn nâng cao nghiệp vụ.

Đến nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng 07 điểm tư vấn tại trường học. Các Trường đã tổ chức Hội thi với sự tham gia của trên 15.000 lượt học sinh. Tham dự Hội thi các em được cung cấp các kiến thức về Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn qua các phần thi kiến thức, hùng biện theo tranh vẽ với các chủ đề về bạo lực học đường, xâm hại tình dục trẻ em và chăm sóc bảo vệ trẻ em. Các em còn được tuyên truyền về các chính sách, chế độ

ưu đãi đối với trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nói riêng, trang bị kiến thức về kỹ năng sống, phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục, các nhóm quyền trẻ em, các văn bản pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích trẻ em, đặc biệt tai nạn đuối nước, cách xử lý khi gặp người khác đuối nước, giao lưu giữa các bạn tham dự buổi tuyên truyền,... Ngoài việc tổ chức buổi tuyên truyền, các Trường học còn đặt điểm tư vấn phòng ngừa và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Phòng đội hoặc y tế của trường, có Quyết định phân công cán bộ trực tư vấn cho trẻ em 02 buổi/tuần. Đến với điểm tư vấn, các em được cung cấp thông tin về chính sách trợ giúp trẻ em, bên cạnh đó các em có thể phản ánh các vấn đề tâm sinh lý trong độ tuổi mới lớn, các tâm tư, nguyện vọng, các vấn đề phát sinh trong cuộc sống cũng như các trường hợp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà các em biết được để cán bộ tư vấn, trợ giúp các em và tập hợp các ý kiến kiến nghị lên các cấp có thẩm quyền.

Hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em đang từng bước được củng cố ở các xã, thị trấn (có 12 xã, thị trấn có Ban bảo vệ trẻ em cấp xã; 10 điểm tư vấn phòng ngừa, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, các nhóm trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, người chưa thành niên vi phạm pháp luật, tại cộng đồng, trường học), các chính sách trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được thực hiện ngày càng tốt hơn; công tác phòng ngừa trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quan tâm thường xuyên; các vụ xâm hại, bạo lực trẻ em được phát hiện và giải quyết kịp thời; các hình thức cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em ngày càng được chú trọng như: Hội thi, Diễn đàn trẻ em cấp xã, tư vấn tại các điểm tư vấn và tổ chức các hoạt động truyền thông v.v...

3. Đánh giá kết quả đạt được so với mục tiêu đầu kỳ

Sau 5 năm triển khai thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn huyện đã đạt được kết quả như sau:

- Số trẻ em có HCDB giảm còn 0,59% tổng số trẻ em (KH dưới 5,5%).
- 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, tái hòa nhập và có cơ hội phát triển (KH 80%).
- 100% trẻ em được phát hiện có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được can thiệp để giảm thiểu, loại bỏ nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và được hỗ trợ (KH 70%).
- 70% xã, thị trấn xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (KH 20%).
- 100% số xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em (KH 20%).
- 100% cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em từ cấp huyện đến cấp xã, thôn được tập huấn.

Nhìn chung, chương trình bảo vệ trẻ em huyện giai đoạn 2011-2015 đã được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Các chỉ tiêu đề vượt so với kế hoạch đề ra.

4. Những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các Dự án thuộc Chương trình:

a) Những khó khăn, vướng mắc

- Nguồn lực kinh phí cho công tác BVCSTE tuy đã được các cấp, các ngành quan tâm và đầu tư, nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được với yêu cầu thực tế.

- Trong điều kiện hội nhập kinh tế, dưới tác động mặt trái của cơ chế thị trường, mạng internet, về văn hóa nhiều trẻ em bị tác động và tham gia vào các hoạt động vui chơi ảo trên mạng làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính năng động, hoạt bát và khả năng sáng tạo của trẻ.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em bị xáo trộn trong thời gian dài nên gây khó khăn trong công tác tham mưu quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Hệ thống cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp xã mặc dù đã được quan tâm kiện toàn, tuy nhiên cán bộ làm công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em là cán bộ bán chuyên trách, kiêm nhiệm nhiều việc, sinh hoạt phí thấp.

b) Nguyên nhân

- Ngân sách địa phương còn khó khăn nên bố trí kinh phí hoạt động quản lý thực hiện các chương trình, kế hoạch hàng năm còn hạn chế.

- Một số gia đình còn chú trọng làm kinh tế, sao nhãng trong việc giáo dục, chăm sóc con. Nhận thức của một bộ phận cha, mẹ trẻ em về phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em còn hạn chế và chưa thật sự quan tâm; việc phối hợp giữa ba môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình và xã hội) trong công tác giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em có lúc, có nơi còn thiếu chặt chẽ. Nên tình trạng tai nạn thương tích cho trẻ em trên địa bàn huyện vẫn còn nhiều, đặc biệt là tử vong do đuối nước. Từ năm 2011 đến nay, trên địa bàn huyện đã xảy ra 39 trường hợp trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích, trong đó có 32 trường hợp do tai nạn đuối nước.

5. Bài học kinh nghiệm, đề xuất, kiến nghị

a) Bài học kinh nghiệm

- Nơi nào được cấp ủy Đảng quan tâm, chính quyền địa phương có chỉ đạo triển khai kịp thời, cụ thể hóa chính sách, ưu tiên đầu tư nguồn lực cho các mục tiêu về trẻ em, thì nơi đó công tác BVCSTE phát triển bền vững và đạt kết quả cao.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục vận động xã hội và thay đổi hành vi luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác BVCSTE vì vậy phải thường xuyên tăng cường công tác này để góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, gia đình và cộng đồng trong công tác BVCSTE, do đó cần phải tăng cường đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực này trong thời gian tiếp theo.

- Sự phối kết hợp, đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể của huyện luôn có vai trò quan trọng đến việc hoàn thành các mục tiêu về trẻ em mà Chương trình đã đề ra.

- Tạo môi trường an toàn, thân thiện đối với trẻ em, loại bỏ hoặc giảm thiểu đến mức thấp nhất các nguy cơ gây tổn thương cho trẻ em, trước hết là tập trung vào việc xây dựng “Xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em”, xem đây là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và là tiêu chí để thi đua của các địa phương.

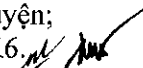
b) Đề xuất, kiến nghị

- Các cấp, các ngành chức năng cần tăng cường công tác quản lý mạng internet và các văn hóa phẩm. Tăng cường việc phối hợp giữa ba môi trường giáo dục (nhà trường, gia đình và xã hội) trong công tác giáo dục, chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí để địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020.

Trên đây là báo cáo đánh giá cuối kỳ Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn huyện Tuy Phước./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh;
- TTHU, HDND, UBND huyện;
- PCTTT;
- TV.BĐH huyện;
- Lưu: VT, K6. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Tích Hiếu

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP KINH PHÍ
CHI CHO CÔNG TÁC BVCSTE GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

(ĐVT: đồng)

Nguồn Thời gian	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	Nguồn vận động	Ghi chú
Năm 2011	10.000.000	0	0	0	Chương trình 19, CT BVTE
	27.000.000	10.100.000	158.413.000	113.304.000	Quà lễ, Tết, TCKK, học bổng huyện, khám phân loại khuyết tật,...
Năm 2012	14.000.000	0	4.000.000	0	Chương trình BVTE
	37.000.000	11.150.000	176.813.000	123.888.000	Quà lễ, Tết, TCKK, học bổng huyện, khám phân loại khuyết tật,...
Năm 2013	79.500.000	0	0	0	Chương trình BVTE, TNNT, dạy bơi TE
	113.500.000	10.500.000	168.410.000	144.690.000	Quà lễ, Tết, TCKK, học bổng huyện, khám phân loại khuyết tật,...
Năm 2014	72.000.000				Chương trình BVTE
		14.620.000	226.496.000	208.750.000	Quà lễ, Tết, TCKK, học bổng huyện, khám phân loại khuyết tật,...
Năm 2015	86.500.000	0	0	0	Chương trình BVTE
		10.000.000		547.520.000	Quà lễ, Tết, TCKK, học bổng huyện, khám phân loại khuyết tật,...
Tổng cộng	439.500.000	56.370.000	734.132.000	1.138.152.000	

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 7/12/2015 của UBND huyện Tuy Phước)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Ước thực hiện 2015	Tổng
I	DA1: Truyền thông giáo dục và vận động xã hội							
1	Số lượng các Chương trình phát thanh, truyền hình	chương trình	14	14	14	14	14	70
2	Số lượng các cuộc thi tìm hiểu về kiến thức pháp luật, về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em được tổ chức	cuộc thi	37	35	38	44	44	198
3	Hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội tại cộng đồng							
3.1	Số lượt phát thanh tại cộng đồng	lượt	65	65	65	65	65	65
3.2	Tổ chức nói chuyện chuyên đề							
3.3	Số buổi	buổi	12	15	23	36	44	130
3.4	Số lượt người tham gia	lượt người	1.000	1.500	3.000	4.200	5.300	15.000
4	Số lượng Pano, áp phích, khẩu hiệu được xây dựng		10	10	10	10	10	50
5	Số lượng người được tiếp cận các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội	lượt người	150.000	157.000	165.000	172.000	180.000	824.000
II	DA2: Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE							
6	Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp							
6.1	Cán bộ cấp huyện		2	2	2	2	2	10
6.2	Số lớp	Lớp			1	1	1	3
6.3	Số lượt người tham gia	Người			197	188	188	
7	Số lớp/số cán bộ cấp xã, cộng tác viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn về kỹ năng bảo vệ trẻ em							

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Ước thực hiện 2015	Tổng
7.1	Số lớp	Lớp			7	1	1	9
7.2	Số lượt người tham gia	Người			197	188	188	
III	DA 3: Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ							
8	Củng cố nhân lực trong hệ thống							
8.1	Huyện có Quyết định thành lập nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện (có/không)	Huyện			Có	Có	Có	
8.2	Số xã có quyết định thành lập Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã		3	6	12	12	33
9	Tổng số cộng tác viên thôn, làng, khu phố	người			168	172	172	
10	Phát triển các loại hình/cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em							
10.1	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm			3			3
10.2	Số điểm tư vấn trường học	Điểm				2	7	9
10.3	Số lượng các cơ sở trợ giúp khác	cơ sở						
10.4	Số cán bộ làm việc trong Hệ thống cung cấp dịch vụ	người						
11	Tổ chức cung cấp/kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em							
11.1	Tư vấn, tham vấn, trị liệu phục hồi tâm lý, thể chất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực	trẻ em						
11.2	Trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội khác...	trẻ em						
11.3	Trợ giúp nâng cao năng lực cho cha mẹ/người chăm sóc trẻ về bảo vệ trẻ em/kỹ năng làm cha mẹ	người						
11.4	Trợ giúp nâng cao kỹ năng tự bảo vệ của trẻ em	trẻ em						
11.5	Số trẻ em được quản lý và can thiệp theo quy trình của Thông tư 23/2010/TT-LĐTBXH ngày 16/8/2010	trẻ em			1			1
IV	DA4: Mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng							

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Ước thực hiện 2015	Tổng
12	Tổng số xã là địa bàn thí điểm thực hiện Dự án 4	Xã						
	Tổng số xã là địa bàn thí điểm thực hiện Mô hình thứ nhất	Xã						
	Tổng số xã là địa bàn thí điểm thực hiện Mô hình thứ hai	Xã						
	Tổng số xã là địa bàn thí điểm thực hiện Mô hình thứ ba	Xã						
	Tổng số xã là địa bàn thí điểm thực hiện Mô hình thứ tư	Xã						
13	Hoạt động của các mô hình							
	Tư vấn, tham vấn, phục hồi tâm lý, thể chất cho trẻ em	trẻ em						
	Trợ giúp cho trẻ em tiếp cận với các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, phúc lợi xã hội khác... để hòa nhập cộng đồng	trẻ em						
	Trợ giúp nâng cao năng lực cho cha mẹ/người chăm sóc trẻ về bảo vệ trẻ em/kỹ năng làm cha mẹ	Người						
	Tập huấn kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em	trẻ em						
14	Khảo sát, thống kê trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt							
	Tổng số trẻ em dưới 16 tuổi	trẻ em	48.447	42.634	45.622	46.892	48.463	
	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	trẻ em	321	293	287	276	284	
	Số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	trẻ em	2.142	1.861	1.207	1.234	992	
	Số trẻ em khuyết tật	trẻ em	301	342	449	234	250	
	Số trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, bị bỏ rơi	trẻ em	60	62	24	40	34	
	Số trẻ em lang thang	trẻ em						
	Số trẻ em lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	trẻ em						
	Số trẻ em bị xâm hại tình dục	trẻ em	1	5	1	2	0	9
	Số trẻ em bị bạo lực	trẻ em						
	Số trẻ em vi phạm pháp luật	trẻ em						